

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CỦA CÁC VUA ĐẦU TRIỀU NGUYỄN ĐỐI VỚI TÍN NGƯỠNG THỜ THẦN Ở LÀNG XÃ BẮC BỘ

TRẦN ĐĂNG SINH^(*)

Tín ngưỡng là một bộ phận của ý thức xã hội, thuộc lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội, được hình thành trong quá trình lịch sử - văn hoá, biểu hiện niềm tin vào cái thiêng liêng dưới dạng tâm lí xã hội thông qua hệ thống nghi lễ thờ cúng của con người.

Hình thức biểu hiện của tín ngưỡng rất phong phú, đa dạng, song có thể phân thành hai dạng cơ bản là *tín ngưỡng tôn giáo* và *tín ngưỡng dân gian*.

Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin, sự ngưỡng mộ của các tín đồ tôn giáo vào các đấng thiêng liêng như: Phật, Chúa Trời, Allah, v.v...

Tín ngưỡng dân gian là sự tin tưởng, sự ngưỡng mộ vào các đấng thiêng liêng như Thần, Thánh, Mẫu, gắn liền với các sinh hoạt văn hoá, phong tục, tập quán của các cộng đồng cư dân, có quá trình hình thành từ rất sớm và tồn tại chủ yếu ở cộng đồng làng xã, là yếu tố quan trọng tạo nên sự phong phú, đa dạng của văn hoá làng xã.

Tín ngưỡng dân gian có nhiều hình thức như: Tín ngưỡng thờ Thần, tín ngưỡng thờ Tổ tiên, tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng phồn thực, v.v... Trong tín ngưỡng dân gian thì tín ngưỡng thờ thần chiếm vị trí đặc biệt quan trọng đối với các sinh hoạt văn hoá ở làng xã Bắc Bộ dưới thời phong kiến nói chung và thời đầu triều Nguyễn nói riêng. Ở làng xã

Bắc Bộ thần được phân thành hai loại: phúc thần và tà thần, trong đó lại phân thành Thượng, Trung và Hạ đẳng thần. Các vị phúc thần thường là các thần có công với nước và cộng đồng, làng xã. Các làng xã ở Bắc Bộ đều thờ thần Thành hoàng riêng của làng mình ở đình. Thần Thành hoàng được coi là vị thần giữ bản mệnh chung của cả làng. Nhiều khi các quan lại từ trung ương đến địa phương thường lợi dụng chính sách đối với tín ngưỡng của triều đình để gây thanh thế hoặc mưu lợi riêng. Để củng cố sức mạnh thế quyền, các vua đầu triều Nguyễn đã rất chú trọng tới làng xã Bắc Bộ - đơn vị cơ sở của xã hội phong kiến thông qua các chính sách đối với tín ngưỡng thờ thần.

Dưới thời các vua đầu triều Nguyễn nhiều viên quan lại lợi dụng việc thờ cúng lễ bái ở làng xã để trục lợi, triều đình thấy cần phải chấn chỉnh. Ngay sau khi lên ngôi được 3 năm Gia Long đã hạ chiếu định điều lệ hương đảng cho các xã dân ở Bắc Kỳ: “Nước là hợp các làng mà thành... vương chính lấy làng làm trước. Gần đây giáo dục trể nải, chính trị suy đồi, làng không tục hay, noi theo đã lâu, đắm chìm quá đổi. Phàm tiết ăn uống, lễ cưới xin, việc ma chay và thờ thần Phật, nhiều việc quá trớn lấn lẽ; bọn hào mục nhân đó mà đục khoét người cùng dân

^{*}. TS., Trường Đại học sư phạm Hà Nội.

đến nổi dạt xiêu, thực là bởi cố ấy...”⁽¹⁾.

Theo *Đại Nam thực lục*, Gia Long định điều lệ cho làng xã Bắc Hà quy định về: tiết ăn uống; lễ vui mừng; lễ giá thú; việc tang tế; việc thờ thần, trong đó việc thờ thần quy định cụ thể như sau:

“Trước phải xem việc dân rồi mới đến việc thần. Sách kinh nói: “cúng tế nhằm là bất kính”. Sách truyện nói: “Kính quý thần mà nên ở xa”. Lại nói: “Nếu không phải ma của mình mà tế thì là xiêm nịnh”. Đó đều là nói việc thờ cúng quý thần tất phải có đạo. Gần đây có nhiều kẻ xiêm nịnh thần kì, thành hoàng miếu vũ thì cửa ngăn nóc chông, chạm xà vẽ cột, tế khí nghi trượng thì trang sức vàng bạc, màn tán cờ quạt thì thêu thùa văn vẽ, tế Xuân tế Thu vào đám hát xướng, nhiều thì vài mươi ngày đêm, ít thì tám chín ngày đêm, chèo tuồng hát tuồng, thưởng lèo vô số, ăn uống xa hoa, tiêu không tiếc của. Ngoài ra lại đua thuyền múa rối, đủ mọi thứ trò, lại kén lấy trai tơ gái trẻ đánh cờ đánh bài, tiếng là thờ thần, thực để thỏa dục. Rồi lại bắt đóng góp hao của tổn tiền. Từ nay về sau, các vị thần công đức nên tế bằng trâu bò thì phải làm đơn xin quan phủ huyện, xét đáng mới cho. Còn như miếu vũ nếu có trùng tu và làm mới thì chỉ cho làm một gian nội từ và ba gian trung đường, hai cột nghi môn không được chạm khắc sơn vẽ. Miếu sở không được gọi lán là điện; đồ tế khí nghi trượng không được sơn son thếp vàng; màn tán cờ quạt chỉ dùng vải lụa nhuộm màu, không được thêu văn vẽ. Hàng năm tế tự, vào đám hát xướng, chỉ cho một ngày đêm, thưởng lèo không được quá phí. Khi tế cho dùng chuông trống làm lễ, tế xong thì thôi. Còn bao nhiêu trò về khác đều cấm cả...”⁽²⁾.

Gia Long cho rằng, kẻ nào mượn việc bói toán, đồng bóng để chữa bệnh trong

dân gian cũng bị phê phán và phạt tùy theo mức nặng nhẹ: “Nay thói thờ quỷ mù quáng đã sâu, người ta không hay giữ yên tính mệnh động đến là xin phù chú, kêu đồng bóng, lập đàn tràng, khua chuông trống như chiều gió lướt, tập tục theo nhau làm cho mê hoặc, kẻ có tà thuật đều giả thác ảo huyền làm rối tai mắt, thổi bùa vẽ khoán, tạ pháp án để sinh nhai; chuộc mệnh gọi hồn, xem nhà bệnh là hàng quý; thậm chí phụ đồng thiệp tính, bịa đặt lời thần, cấm thuốc nhịn ăn, làm cho người bệnh không thể chữa được nữa; lại còn ngựa rơm người giấy, đập cửa đốt nhà cùng với mọi thứ bùa thuốc mê hoặc khiến cho vợ cả ghét chồng, chồng say vợ lẽ đã dụng thuật để nhiều người, lại gõ cửa để xin chữa, lừa dối trăm chiều, thực là làm hại lớn cho dân chúng. Từ nay dân gian như có đau ốm chỉ nên cầu thuốc để trị, cẩn thận sự đi đứng, nhất thiết chớ nên tin nghe bọn yêu tà mà cầu cúng xằng xiên. Những bọn thầy pháp cô đồng cũng không được sùng phụng hương lửa để nương tai trừ họa. Nếu quen giữ thói cũ, ắt bị nghiêm trị”⁽³⁾.

Tất cả những điều quy định trên đều là khuyên nên đổi bỏ tệ cũ. Kẻ nào nếu cứ quen thói làng, can phạm phép nước bị người phát giác, thì trước hết bắt phạt xã trưởng phải lưu đầy đi viễn châu; dân hạng nặng thì sung làm phu dịch, nhẹ thì xử bằng roi hoặc trượng; để bớt tổn phí thời gian, tiền của cho dân mà giữ được phong tục làng xóm thuần hậu.

Như vậy, việc định ra điều lệ cho dân làng xã Bắc Hà, đặc biệt trong đó có quy định về việc thờ thần, đồng bóng nhằm chấn chỉnh tệ tục đã quá sa sút, đã gây

1. *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.2002, tập I, tr. 583 (*Thực lục*).

2. *Thực lục*. Sđd., tập I, tr. 585- 586.

3. *Thực lục*. Sđd., tập I, tr. 587.

dựng nên phong tục thuần hậu ở làng xã khiến dân sống yên ổn, nước được thái bình.

Ít lâu sau Gia Long sai Bộ Lễ nghị tâu để nhà vua xem xét phong cho bách thần ở trong (kinh đô) và bên ngoài (các địa phương). Theo chỉ dụ của nhà vua, Bộ Lễ gửi sắc chỉ khiến xã dân cứ phụng thờ thần như cũ. Duy các thần thuộc thượng, trung, hạ đẳng theo đề nghị đều được nhà vua gia tặng, ban cấp cho. Song việc cấp sắc phong thần được tiến hành rất chậm chạp, bị cản trở bởi nhiều lí do. Lí do chính là các quan lại giúp việc lợi dụng chuyện này để kiếm chác lợi lộc. Biết được điều đó Gia Long đã thực hiện những biện pháp hành chính để ngăn chặn. Điển hình là vụ trừng trị những kẻ dính líu đến vụ phong thần gian vào năm 1811.

Trước đây Thanh Nghệ và Bắc Thành tâu sự tích bách thần. Vua sai Nguyễn Gia Cát (người huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh, Tiến sĩ chế khoa năm Đinh Mùi (1787) thời vua Lê Chiêu Thống, sau theo Gia Long được bổ chức Tả Tham tri Bộ Lễ) xem xét việc đó và tâu lên. Gia Cát lại ủy cho Thiêm sự Vũ Quý Dĩnh phụ trách việc đó và sai con là Nguyễn Dục, em vợ là Cống sĩ Tô Văn Dâu ngầm giúp việc. Nhân đó Quý Dĩnh làm sắc giả, phong cho ông cha và bố mẹ mình làm phúc thần. Bọn Dục cũng dựa nhau làm gian, khiến điển thờ đảo lộn, nhầm lẫn rất nhiều. Đến nay thành thần hạch tâu hơn 560 đạo sắc (phong không đúng). Vua sai đình thần tra xét bọn Quý Dĩnh đều xin nhận tội.

Một trường hợp khác, vào năm Giáp Ngọ (1774), tướng Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc đi đánh phương Nam, khi về bị chết đường, được họ Trịnh phong làm phúc thần. Đặng Trần Thường (người huyện Chương Đức, trấn Sơn Nam; Ông tổ xa

từng làm quan Tham tụng nhà Lê; Trần Thường đỗ Sinh đồ cuối Lê, học rộng mà có tài hơn người, không theo Tây Sơn, đi theo Nguyễn Ánh từ khá sớm; nếu không mắc họa quan trường chắc sẽ được liệt vào hàng khai quốc công thần của triều Nguyễn) khi trước ở Thành Tào giấu việc đó đi vẫn liệt vào điển thờ, Nguyễn Gia Cát hòa theo mà gia tặng là “Thanh danh văn võ thánh thần đại vương”. Đến khi việc bị phát giác, Trần Thường sợ hãi xin chịu tội. Theo nghị tội của Bộ Hình được vua chuẩn y, Quý Dĩnh bị tội tử; Trần Thường và Gia Cát đều bị giam hậu (Đặng Trần Thường sau thêm tội khác bị thất cổ chết năm Bính Tý (1816). Nguyễn Gia Cát bị bỏ ngục một thời gian, sau tiếp tục làm quan; rồi chết ở kinh đô), bọn Dục bị tội đồ, những người khác đều giáng chức và phạt khác nhau. Tham quân Lê Chấn cũng vì nhận riêng một đạo thần sắc phong thần Thành hoàng nên bị giáng làm điển quân, nhân đó hạ chiếu thu lại sắc rồi sai quan Lễ bộ bàn lại việc phong tặng⁽⁴⁾.

Qua vụ án phong thần gian cho thấy việc đăng trật cho bách thần là điển lễ lớn của triều Nguyễn, nhằm khẳng định vương quyền và thần quyền của mình. Một số quan lại được giao xem xét việc ban sắc phong thần đã lợi dụng làm bậy, trộm sắc hoặc đề nghị phong không đúng điển chế, phạm vào tội buôn bán và xiểm nịnh thần thánh. Việc ấy chứng tỏ làm thì việc gì lại chẳng dám làm? Những kẻ đó đã bị xử phạt thích đáng cũng là để răn đe tệ gian tà, lộng hành trong quan lại; nhắc nhở Bộ Lễ phải xiết chặt hơn khi xét tặng phong thần trong dân gian, đảm bảo được uy thế của vương triều đang trị vì.

4. *Thực lục*. Sđd., tập I, tr. 815-816.

Việc phong thần ở các làng xã đã được đặt ra và thực hiện từ thời Gia Long, giao cho Bộ Lễ tiến hành xét phong, đệ lên nhà vua cấp sắc phong tặng thần theo theo thứ bậc. Song vì nhiều nguyên nhân do triều đại mới, nhiều việc ngổn ngang nên việc phong tặng bách thần nhiều nơi còn bị bỏ dở chưa kịp xét phong cấp sắc.

Vì thế sang thời Minh Mệnh (1820-1840) xã dân ở nhiều địa phương trong nước gửi tờ tâu trình bày về việc chưa được phong thần. Nhà vua sai các đình thần ở Bộ Lễ bàn định cho ổn thỏa. Phần nhiều ý kiến cho rằng thần hiệu của các trấn ở Bắc Thành đều được phong vào thời hậu Lê, chưa đủ tin cậy. Vì thế họ cho rằng vị thần nào có sự tích rõ rệt mới được cấp sắc phong. Minh Mệnh tự coi “trẫm là chúa trăm thần..” nên đồng thuận với lời bàn trên. Minh Mệnh cũng ghi nhận việc lập nên triều Nguyễn là do mưu người - sức người và “tất có thần thiêng giúp đỡ”, do vậy, không quên điển lớn ghi nhận công sức âm phù của các thần, tiếp tục cấp sắc phong và cúng tế thần.

Theo đó, Bộ Lễ tâu xin đem quan đến làm lễ tế ở các miếu lịch đại đế vương (đế vương triều trước): Miếu thờ Kinh Dương Vương ở xã Á Lữ, trấn Kinh Bắc, miếu Bó Cái Đại Vương ở xã Cam Lâm, trấn Sơn Tây, miếu các vua Lê ở xã Bó Vệ, trấn Thanh Hóa. Tất cả gồm 15 nơi khác nhau. Các thần danh sơn, đại xuyên (núi cao, sông lớn) từ Quảng Trị đến Bắc Thành đều lập đàn riêng làm lễ tế. Minh Mệnh y lời tâu.

Từ khi Minh Mệnh lên ngôi (1820) đến năm 1824, sau 5 năm mà việc cấp sắc phong thần cho các làng xã trong nước vẫn chưa xong. Rất có thể trên thực tế các quan ở Bộ Lễ chưa hoàn toàn tin vào bản khai lí lịch các thần (thần tích) do

các địa phương gửi đến . Bách thần được thờ trong dân gian tại các làng xã rất phong phú, đa dạng. Nhưng tựu trung lại gồm có nhiên thần (thần có nguồn gốc từ tự nhiên, là các hiện tượng tự nhiên được thiêng hoá như: mây, mưa, sấm, chớp, đá, cây, linh vật.. và nhân thần (là những người có công đối với dân với nước: Hùng Vương, An Dương Vương, Thánh Gióng, Chủ Đồng Tử, Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lê Hoàn, Đinh Bộ Lĩnh, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, v.v...) Ngoài ra còn có cả dâm thần, tà thần (kẻ cắp phân, người ăn mày, người chết trôi...). Đối với dân làng, thần đều rất thiêng vì thần giữ vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của họ. Do nhận thức có hạn, họ không phân biệt chính thần hay tà thần. Có lẽ vì thế mà Bộ Lễ phân vân hoặc tự loại bỏ các thần tích không thuộc loại chính thần mà các làng xã đệ trình, cũng có thể do quá trình xác minh thần tích ở các làng xã gặp rất nhiều khó khăn đối với các đình thần ở Bộ Lễ. Bách thần có tới hàng nghìn, hàng vạn nơi thờ trong khắp cả nước, các quan Bộ Lễ ít người không dễ gì đi đến xác minh khắp lượt, nên đành gác lại để sau. Rút cuộc việc phong tặng bách thần quá chậm trễ là lẽ đương nhiên và phải tiếp tục sau đó ở các triều vua Nguyễn: Thiệu Trị, Tự Đức, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại.

Trên thực tế, các vua đầu triều Nguyễn thông qua Bộ Lễ, dựa vào thần tích đều đã cấp sắc phong thần. Chúng ta hiện không có số liệu sắc phong thời Gia Long- Minh Mệnh đã cấp là bao nhiêu; tổng số sắc phong hiện còn lại ở các làng xã thuộc thời kì đó cũng chưa có tài liệu nào tổng kết được. Do tác động của thời gian, thiên tai địch hoạ khiến nhiều đền, miếu đã bị phá hỏng, đổ nát dẫn đến mất hết thần tích, sắc phong. Tuy vậy, nhiều

làng xã vẫn còn giữ được đền, miếu, đình, chùa với nhiều loại tài liệu Hán Nôm quý giá như ngọc phả, sắc phong, đại tự, câu đối, bia kí, dấu rằng không đầy đủ và nguyên vẹn.

Trong một số làng xã ở Bắc Bộ hiện vẫn còn giữ được ngọc phả và sắc phong, như làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, vốn thờ 3 vị thành hoàng là Lê Khôi, thần Độc Cước, Địa thần. Hiện ở đình làng còn giữ được 46 sắc phong từ đời Lê đến đời Nguyễn trong đó có 15 sắc phong triều Nguyễn, từ đời vua: Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức.

Tại từ đường họ Nguyễn Quý làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, thờ tam vị Đại vương: Nguyễn Quý Đức (1648 – 1720); Nguyễn Quý Ân (1673 – 1722) và Nguyễn Quý Kính (1693 – 1766) là Thành hoàng làng. Ở đó còn giữ được bản “Lê triều tam vị Đại vương ngọc phả” (chữ Hán Nôm) cùng 29 sắc phong tam vị Đại vương từ thời Vĩnh Thịnh - Lê Dụ Tông (1705 – 1719) cấp, đến thời Khải Định, trong đó đời Nguyễn gồm 17 đạo sắc cấp từ thời Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức.

Hoặc ở làng Thượng Hội, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) tại miếu Voi Phục thờ thành hoàng làng là Văn Dĩ Thành, người có công với dân làng thời hậu Trần cuối thế kỉ XIV; Ở đó hiện còn lưu giữ 40 sắc phong thần. Sắc ghi niên đại sớm nhất Vĩnh Tộ năm thứ 2 (1620), đời vua Lê Thần Tông; sắc ghi niên đại muộn nhất vào năm Khải Định cửu niên (1924). Trong số 40 sắc phong đó thì dưới triều Nguyễn có 8 sắc phong.

Như vậy, tín ngưỡng thờ thần dưới triều Nguyễn rất được chú ý. Chính quyền trung ương đã thấy được tính hai mặt của tín ngưỡng thờ thần ở làng xã

Bắc Bộ để có những chính sách, biện pháp phù hợp trong cách ứng xử với nó.

Một mặt, triều đình thấy tín ngưỡng thờ thần là một sinh hoạt văn hoá gắn chặt với cộng đồng làng xã, đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng cư dân làng xã. Do đó, để ổn định chính trị - xã hội không thể không quan tâm tới việc cấp sắc phong thần nhằm xây dựng một phong tục thuần hậu làm cơ sở cho nền đạo đức xã hội.

Mặt khác, các vương triều cũng thấy được bản thân trong tín ngưỡng dân gian cũng có chứa đựng những yếu tố mê tín. Một khi tín ngưỡng dân gian bị kẻ xấu lợi dụng thì thường dẫn đến mê tín dị đoan, cuồng tín, những hủ tục lạc hậu ảnh hưởng tới phong hoá, tiền của, sức khoẻ của dân và trật tự xã hội, do đó cần phải có những biện pháp hành chính kiên quyết để ngăn chặn. Nếu phát hiện thấy đội ngũ quan lại ở các cấp lợi dụng chính sách của triều đình đối với tín ngưỡng dân gian để mưu lợi, kiếm danh thì phải xử phạt thích đáng.

Nhìn chung, tín ngưỡng thờ thần dưới thời các vua triều Nguyễn rất được quan tâm. Nhờ có các chính sách tích cực, kịp thời các vua đầu triều Nguyễn đã khai thác được mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của loại hình tín ngưỡng này nhằm khẳng định thần quyền, kết hợp giữa vương quyền và thần quyền để quản lí xã hội.

Lịch sử đã lùi xa, song từ những chính sách của các vua đầu triều Nguyễn đối với tín ngưỡng thờ thần ở làng xã Bắc Bộ cũng đáng để chúng ta suy ngẫm và rút ra bài học có ích cho việc quản lí các hoạt động tín ngưỡng đang diễn ra rất phổ biến hiện nay ở khắp các địa phương trong cả nước thông qua chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo của các cấp chính quyền./.